

Bản án số: **103/2025/KDTM-PT**

Ngày: 25/4/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Thanh Tú

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Kim Sen - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 tháng 4 và 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2025/KDTM-PT ngày 16/01/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 4694/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 688/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 3363/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5138/2025/QĐPT-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P; địa chỉ: Số 2 đường N, phường T, quận K, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Ông Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: số 277B đường H, khu phố 4, phường B, thành phố Đ, Thành phố M; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2025). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn A; địa chỉ: Số 02 đường số 13, phường T, thành phố Đ, Thành phố M;

Người đại diện hợp pháp: Bà H, sinh năm 1983; địa chỉ: đường số 25, khu phố 2, phường L, thành phố Đ, Thành phố M; là người đại diện theo pháp luật. (có mặt)

2.2 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H địa chỉ: Số 02 đường số 13, phường T, thành phố Đ, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp: Bà H, sinh năm 1983; địa chỉ: đường số 25, khu phố 2, phường L, thành phố Đ, Thành phố M; là người đại diện theo pháp luật. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông T, sinh năm 1953;

3.2 Bà M, sinh năm 1951;

Người đại diện hợp pháp của ông T và bà M: ông D, sinh năm 1983; địa chỉ: đường số 25, khu phố 2, phường L, thành phố Đ, Thành phố M; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2024; Văn bản chấm dứt ủy quyền ngày 18/4/2025); bà H, sinh năm 1983; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2025).

3.3 Ông D, sinh năm 1983; (có mặt vào ngày 16/4/2025 và có đơn xin vắng mặt vào ngày 25/4/2025)

3.4 Bà H, sinh năm 1983; (có mặt)

3.5 Bà A, sinh năm 2005; (có mặt vào ngày 16/4/2025 và vắng mặt vào ngày 25/4/2025)

3.6 Trẻ K, sinh năm 2011 (có cha mẹ là bà H và ông D làm giám hộ).

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông T và Bà M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 4695/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P do bà TA và ông Đ làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

1.1 Theo Hợp đồng tín dụng số PLG/000044/22 ngày 22/9/2022 ký kết giữa Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P – Chi nhánh L (gọi tắt Ngân hàng P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (gọi tắt Công ty A), theo đó Ngân hàng cho Công ty A vay với hạn mức là 11.000.000.000 đồng (mười một tỷ đồng) để tài trợ chi phí mua sắm trong nước/nhập khẩu nguyên vật liệu/hàng hóa, bổ sung nhu cầu vốn lưu động và các chi phí hoạt động khác để phục vụ các hoạt động sản xuất/kinh doanh của Công ty A. Nội dung hợp đồng quy định:

- Khoản vay nêu trên là khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ một tháng cho đến tối đa sáu tháng.

- Mỗi lần rút tiền Công ty A phải ký Giấy cam kết thanh toán tiền. Khoản vay nêu trên được giải ngân bằng Việt Nam đồng.

- Nợ gốc của khoản vay nêu trên phải được hoàn trả vào ngày đến hạn thanh toán theo từng Giấy cam kết thanh toán tiền.

- Lãi suất theo quy định của Ngân hàng P được áp dụng vào ngày rút tiền vay được quy định theo từng Giấy cam kết thanh toán tiền.

- Lãi vay phải được thanh toán vào ngày 10 hàng tháng (chu kỳ lãi vay từ ngày 10 tháng này đến ngày 9 tháng sau). Phần lãi vay phải trả trong tháng mà khoản vay 032 đến hạn sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A theo hai Giấy cam kết thanh toán tiền với tổng số tiền là 10.999.170.400 đồng chi tiết như sau:

- Giấy cam kết thanh toán tiền số 22215 phát vay ngày 23/9/2022 đến hạn ngày 23/3/2023 số tiền 10.025.170.400 đồng, lãi suất 10%/năm.

- Giấy cam kết thanh toán tiền số: 22326 phát vay ngày 29/12/2022 đến hạn ngày 29/6/2023 số tiền 974.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Công ty A đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M theo Giấy chứng nhận số AK 069807, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 00465 do Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Đ), Thành phố M cấp ngày 19/06/2007, cập nhật biến động ngày 26/01/2022 thuộc sở hữu của Ông T. Theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000044/22 công chứng số 008075 ngày 22/09/2022, Đơn yêu cầu và được chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 23/09/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, Thành phố M.

- Quyền sở hữu đối với tất cả tài sản gắn liền với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M thuộc quyền sở hữu của Ông T và Bà M, theo: Hợp đồng thế chấp số PLG/000044/22-BLANK ký ngày 22/09/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và quá hạn trả nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 22/8/2024, Công ty A còn nợ số tiền gốc là 10.999.170.400 đồng và tiền lãi (gồm tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả) của hai Giấy cam kết thanh toán tiền số 22215 và 22326 là 2.579.174.178 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 13.578.344.578 đồng.

1.2 Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H:

Theo Hợp đồng tín dụng số PLG/000041/22 ngày 25/8/2022 ký kết giữa Ngân hàng P – Chi nhánh L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H (gọi tắt Công ty H), theo đó Ngân hàng cho Công ty H vay với hạn mức là 4.500.000.000 đồng để tài trợ chi phí mua sắm trong nước/nhập khẩu nguyên vật

liệu/hàng hóa, bổ sung nhu cầu vốn lưu động và các chi phí hoạt động khác để phục vụ các hoạt động sản xuất/kinh doanh của Công ty H.

Nội dung hợp đồng quy định:

- Khoản vay trên là khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ một tháng cho đến tối đa sáu tháng.

- Mỗi lần rút tiền Công ty H phải ký giấy cam kết thanh toán tiền. Khoản vay trên được giải ngân bằng Việt Nam Đồng.

- Nợ gốc phải được hoàn trả vào ngày đến hạn thanh toán theo từng giấy cam kết thanh toán tiền.

- Lãi suất theo quy định của Ngân hàng được áp dụng vào ngày rút tiền vay được quy định theo từng giấy cam kết thanh toán tiền. Lãi vay cho Khoản vay nêu trên phải được thanh toán vào ngày 10 hàng tháng (chu kỳ lãi vay của khoản vay đến hạn sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn, từ ngày 10 tháng này đến ngày 9 tháng sau). Phần lãi vay phải trả trong tháng mà khoản vay 032 đến hạn sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H số tiền là 4.500.000.000 đồng theo Giấy cam kết thanh toán tiền số 22177 phát vay ngày 26/8/2022 đến hạn ngày 26/02/2023, lãi suất 10%/năm.

Công ty H đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M theo Giấy chứng nhận số AK 069807, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00465 do Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Đ), Thành phố M cấp ngày 19/06/2007, cập nhật biến động ngày 26/01/2022 thuộc sở hữu của Ông T, theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22 công chứng số 007358 ngày 25/08/2022, Đơn yêu cầu và được chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 26/08/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, thành phố M.

- Quyền sở hữu đối với tất cả tài sản gắn liền với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M thuộc quyền sở hữu của Ông T và Bà M, theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22-BLANK ký ngày 25/08/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và quá hạn trả nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 22/8/2025, Công ty H vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc là 4.500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 1.075.943.327 đồng (bao gồm tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả). Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 5.575.943.327 đồng.

Do Công ty H và Công ty A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng P yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty A phải trả tiền nợ gốc là 10.999.170.400 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 2.579.174.178 đồng (bao gồm tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả); tổng cộng là 13.578.344.578 đồng.

- Buộc Công ty H phải trả tiền nợ gốc là 4.500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 1.075.943.327 đồng; tổng cộng là 5.575.943.327 đồng.

- Công ty H và Công ty A có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc và lãi suất cho ngân hàng.

- Trường hợp Công ty A và Công ty H không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo gồm:

+ Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M theo Giấy chứng nhận số AK 069807, sổ vào sổ cấp GCN số: H 00465 do Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Đ), Thành phố M cấp ngày 19/06/2007 theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22 công chứng số 007358 ngày 25/8/2022.

+ Quyền sở hữu đối với tất cả tài sản gắn liền với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M, theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22-BLANK ký ngày 25/8/2022.

2. Bị đơn: Tại bản ý kiến ngày 30/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty A và Công ty H do bà H đại diện theo pháp luật trình bày:

2.1 Đối với các khoản vay tại Ngân hàng P, bà Huyền xác nhận các khoản vay theo khế ước nhận nợ gồm:

Công ty A: Khế ước nhận nợ số 22215, tiền nợ gốc: 10.025.170.400 đồng; Khế ước nhận nợ số 22326, tiền nợ gốc: 974.000.000 đồng. Thời gian phát sinh nợ quá hạn từ 10/3/2023.

Công ty Truyền thông và Thương mại H: Khế ước nhận nợ số: 6008520022177. Tiền nợ gốc: 4.500.000.000 đồng. Thời gian phát sinh nợ quá hạn từ 26/02/2023.

2.2 Mục đích vay: vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho bị đơn.

Tính đến thời điểm tháng 3/2023 trở đi bắt đầu bị phát sinh nợ quá hạn vì lý do: Cá nhân bà H và doanh nghiệp gặp khó khăn, thiệt hại kéo dài từ một vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, khi bị một cá nhân và doanh nghiệp khác đã lừa đảo và chiếm đoạt gây ra (hồ sơ vụ việc đính kèm). Vụ án được Cơ quan điều tra thụ lý từ ngày 28/4/2022 và vẫn chưa có được kết luận theo phán quyết của pháp luật. Vụ án đã qua rất nhiều lần khiếu nại và hai lần khởi tố để điều tra, nhưng đến nay cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án kể từ ngày 15/8/2024 vì lý do chưa bắt được đối tượng đang bỏ trốn. Trong quá trình tố cáo ra pháp luật và thời gian vụ án vẫn đang được điều tra, doanh nghiệp vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán lãi vay hàng tháng. Thời gian và số tiền lãi đã đóng cho ngân hàng (tính từ ngày nhận nợ lần đầu đến ngày bị nợ quá hạn) là hơn 06 tháng, với số tiền lãi đã nộp là 565.376.972 đồng.

Vì thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài dẫn đến tình trạng các Công ty không thể tiếp tục duy trì hoạt động. Bên cạnh hoạt động kinh doanh gặp khó khăn vì lãi và vốn vay ngân hàng, công ty cũng đã cố gắng bằng mọi giải pháp (bán hết mọi tài

sản khác, vay mượn tiền nóng bên ngoài để đảm bảo trả lãi, duy trì trả lương nhân viên, chi phí hoạt động) bằng mọi cách để doanh nghiệp có thể vượt qua khó khăn trong giai đoạn đó. Nhưng cũng đã không thể làm gì khác hơn, các Công ty cũng buộc phải dừng hoạt động, sa thải người lao động.

Tình trạng hiện nay, cả hai Công ty đều không còn hoạt động kể từ tháng 3/2023. Từ đó đến nay đã không còn khả năng và không có nguồn thu để thanh toán lãi và vốn vay cho ngân hàng, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn của hai doanh nghiệp.

Bản thân cá nhân bà H cũng là nạn nhân của một vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được cơ quan pháp luật giải quyết và chưa thu hồi được thiệt hại. Ngược lại suốt thời gian qua bị rất nhiều đơn vị khác thừa kiện ra tòa và yêu cầu thi hành án, nhưng thực tế chứng minh bà đã không còn khả năng thi hành án (tài liệu cơ quan thi hành án nộp kèm).

2.3 Về trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P :

Bà H xác nhận Công ty A; Công ty Truyền thông và Thương mại H có nghĩa vụ phải thanh toán tiền lãi và tiền vay gốc, tiền phạt chậm trả phát sinh cho nợ quá hạn đối với các khoản vay gốc đã nhận nợ với Ngân hàng P. Tuy nhiên do hai doanh nghiệp gần như ở tình trạng phá sản nên đã không còn hoạt động hơn 1,5 năm qua. Tại thời điểm hiện nay bản thân bà H và doanh nghiệp không có khả năng và nguồn tài chính nào khác để trả nợ cho ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp đây là tài sản của bố mẹ chồng bà H đã dùng để bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Khi sự việc bị lừa đảo bất khả kháng xảy ra, quan điểm của gia đình đều muốn trông cậy cơ quan pháp luật sớm giải quyết và được thu hồi lại thiệt hại để trả tiền lại cho ngân hàng và duy trì hoạt động kinh doanh doanh nghiệp. Không làm thiệt hại thêm rủi ro ảnh hưởng đến tài sản của gia đình mà trong đó cả gia đình chỉ còn 01 căn nhà duy nhất để ở như hiện nay cũng đã thế chấp và thành nợ xấu ngân hàng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông T và Bà M trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 05/3/2024 như sau: Ông bà là chủ sở hữu tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ số 24/4A đường số 25, khu phố 2, phường L, thành phố Đ, Thành phố M thuộc Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M. Ông bà xác nhận đồng ý thế chấp tài sản trên để bảo đảm cho hai công ty của con dâu là bà H vay vốn của Ngân hàng và đồng ý thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp tài sản, nhưng tại thời điểm hiện nay gia đình đang trong hoàn cảnh khó khăn, việc kinh doanh của con bị ảnh hưởng do bị lừa đảo chiếm dụng vốn và đang chờ cơ quan pháp luật giải quyết. Hiện nay, cả gia đình đang sống bằng lương hưu nên không có khả năng trả nợ cho ngân hàng.

3.2 Ông D, bà H và bà A trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Công ty A và Công ty H cam kết khi có nguồn thu tài chính khác, hoặc khi thu hồi được thiệt hại đã bị chiếm đoạt do Cơ quan pháp luật ra phán quyết; sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và ưu tiên thanh toán nợ và các khoản lãi phát sinh cho ngân hàng để giải quyết tháo gỡ tài sản cho gia đình. Vì vậy, đề nghị Tòa án và ngân hàng tạo điều kiện về thời gian giải

quyết đề hạn chế thêm thiệt hại xảy ra chồng chất cho doanh nghiệp và cá nhân, gia đình bà Huyền.

4. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên:

4.1 Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng P số tiền nợ gốc là 10.999.170.400 đồng (Mười tỷ chín trăm chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 26/9/2024 là 2.748.625.388 đồng (hai tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi tám đồng), tổng cộng 13.747.795.788 đồng (mười ba tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng).

4.2 Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng P buộc bị đơn Công ty Truyền thông và Thương mại H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng P số tiền nợ gốc là 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 26/9/2024 là 1.145.269.504 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm lẻ bốn đồng), tổng cộng 5.645.269.504 đồng (Năm tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm lẻ bốn đồng).

Kể từ ngày 27/9/2024, nếu Công ty A và Công ty Truyền thông và Thương mại H chưa trả tiền, thì Công ty A và Công ty Truyền thông và Thương mại H phải trả tiền lãi suất của số tiền gốc chậm trả với mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp Hợp đồng tín dụng số PLG/000044/22 ngày 22/09/2022, khế ước số 600-7-52-00-22215 ngày 23/9/2022 và khế ước số 600-8-52-00-22326 ngày 29/12/2022; Hợp đồng tín dụng số PLG/000041/22 ngày 25/08/2022, khế ước nhận nợ 600-8-52-00-22177 ngày 26/8/2022 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.3 Trường hợp Công ty A và Công ty Truyền thông và Thương mại H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án bán đấu giá tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M theo Giấy chứng nhận số AK 069807, số vào sổ cấp GCN số: H 00465 do Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2007 theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22 công chứng số 007358 ngày 25/08/2022 và Hợp đồng thế chấp số PLG/000044/22 ngày 22/9/2022 công chứng số 008075 ngày 22/9/2022. Quyền sở hữu đối với tất cả tài sản gắn liền với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22-BLANK ký ngày 25/08/2022 và Hợp đồng thế chấp số PLG/000044/22-BLANK ký ngày 22/9/2022 để thu hồi nợ.

4.4 Ngay khi Công ty A và Công ty Truyền thông và Thương mại H thanh toán xong nợ cho Ngân hàng P thì Ngân hàng P có trách nhiệm giải chấp tài sản đã thế chấp nêu trên.

4.5 Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/10/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông T và Bà M đề ngày 01/10/2024 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên vào ngày 26/9/2024.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông T và Bà M do ông D đại diện theo ủy quyền trình bày nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm với lý do tài sản thế chấp là căn nhà duy nhất của ông T và bà M. Khi ký thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay cho 02 công ty của con dâu là bà H thì ông bà tuổi cao, sức yếu nên không biết tình trạng tài sản thế chấp, do đó ông T và bà M không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chờ bị đơn được giải quyết xong vụ án hình sự mà bị đơn bị lừa đảo chiếm đoạt tiền, sau khi thu hồi được tiền từ vụ án này thì bị đơn mới có tiền trả cho ngân hàng.

- Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P không đồng ý với lý do kháng cáo của ông T và bà M, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H cùng do bà H đại diện theo pháp luật trình bày ý kiến đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T và bà M là không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp, bị đơn sẽ cố gắng thu hồi tiền từ vụ án hình sự để trả nợ cho Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông D, bà H, bà A và trẻ K (do cha mẹ là ông D và bà H làm giám hộ) có cùng ý kiến với người kháng cáo và bị đơn.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Chủ sử dụng và chủ sở hữu tài sản là Ông T và Bà M đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản nợ vay của Công ty A và Công ty H đối với Ngân hàng P nên phải có nghĩa vụ thực hiện trong trường hợp Công ty A và Công ty H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà M, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 4694/2024/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 26/9/2024. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông T và Bà M nộp đơn kháng cáo vào ngày 08/10/2024. Như vậy, kháng cáo của ông T và bà M trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận về thời hạn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P có đơn khởi kiện bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Avà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, bị đơn có trụ sở tại thành phố Đ nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào trình bày và sự thừa nhận của các bên đương sự, có cơ sở để xác định nguyên đơn Ngân hàng P đã cho bị đơn Công ty A và Công ty H vay tiền theo các thỏa thuận tín dụng đã ký kết, cụ thể như sau:

Đối với Công ty A: Ngân hàng P cấp cho Công ty A hạn mức tín dụng là 11.000.000.000 đồng (mười một tỷ đồng) theo “Thỏa thuận cấp tín dụng” số PLG/000044/22 ngày 22/09/2022 ký kết giữa Ngân hàng P – Chi nhánh L (gọi tắt Ngân hàng P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (gọi tắt Công ty A). Ngân hàng P đã giải ngân cho Công ty A vay theo 02 giấy cam kết thanh toán tiền và khế ước số 600-7-52-00-22215 ngày 23/9/2022 và khế ước số 600-8-52-00-22326 ngày 29/12/2022 với tổng số tiền là 10.999.170.400 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất là 10%/năm.

Đối với Công ty H: Ngân hàng P cấp cho Công ty H hạn mức tín dụng là 4.500.000.000 đồng theo “Thỏa thuận cấp tín dụng” số PLG/000041/22 ngày 25/8/2022 ký kết giữa Ngân hàng P – Chi nhánh L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H (gọi tắt Công ty H). Ngân hàng P đã giải ngân cho Công ty H vay theo giấy cam kết thanh toán tiền và khế ước nhận nợ số 600-8-52-00-22177 ngày 26/8/2022 số tiền là 4.500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất là 10%/năm.

Tổng số tiền Ngân hàng P cho Công ty A và Công ty H vay là trong hạn mức cấp tín dụng và Công ty A và Công ty H rút vốn vay trong thời hạn theo Thỏa thuận cấp tín dụng mà các bên đã ký kết. Do Công ty A và Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Công ty A và Công ty H trả nợ với số tiền cụ thể như sau: Tính đến ngày 26/9/2024, Công ty A còn nợ Ngân hàng P số tiền nợ gốc là 10.999.170.400 đồng và tiền lãi quá hạn, lãi phạt là 2.748.625.388 đồng; Công

ty H còn nợ Ngân hàng P số tiền nợ gốc là 4.500.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn, lãi phạt là 1.145.269.504 đồng;

Đối với khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả các bên không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung này.

[3.2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông T và Bà M: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P về nội dung tuyên phát mãi tài sản thế chấp.

[3.2.1] Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà M trình bày về khoản nợ của bị đơn và cho rằng bản thân bà H là người đại diện theo pháp luật của Công ty A và Công ty H là bị hại trong vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được Công an Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, do bị can đã trốn nên vụ án hình sự trên chưa được xét xử và bà H chưa thu hồi được số tiền bị chiếm đoạt nên không trả nợ cho Ngân hàng P được, sau khi thu hồi được số tiền bị chiếm đoạt thì bà H sẽ trả nợ cho ngân hàng.

Xét lời khai của bà H tại phiên tòa phúc thẩm: bà H xác định vào ngày 05/4/2022, bà có đơn tố cáo ông K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H với tổng số tiền là 30.000.000.000 đồng. Bà H cho rằng Ngân hàng P phải chờ bà thu hồi được số tiền bị chiếm đoạt trong vụ án hình sự thì bà mới có tiền trả cho ngân hàng. Tuy nhiên, xét về thời điểm Công ty A và Công ty H ký kết thỏa thuận cấp tín dụng để vay tiền của Ngân hàng P là ngày 25/8/2022 và 22/9/2022 tức sau thời điểm bà H có đơn tố giác tội phạm. Như vậy, số tiền mà Công ty A và Công ty H được Ngân hàng P giải ngân không liên quan đến số tiền bà Huyền bị chiếm đoạt theo lời trình bày của bà H do đó việc bà H yêu cầu Ngân hàng P chờ bà thu hồi được tiền mới trả nợ là không có cơ sở. Mặt khác, Ngân hàng P cũng không đồng ý với yêu cầu kháng cáo này của ông T và bà M nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu này của ông T và bà M.

[3.2.2] Về tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ của Công ty H và Công ty A:

Ông T và Bà M (bên thế chấp) và Ngân hàng P (bên cho vay) đã ký kết “Hợp đồng thế chấp” số PLG/000041/22 và “Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất” số PLG/000041/22 cùng ngày 25/8/2022, “Hợp đồng thế chấp” số PLG/000044/22 và “Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất” cùng ngày 22/9/2022 để bên thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty H theo “Hợp đồng tín dụng” số PLG/000041/22 ngày 25/8/2022 và khoản vay của Công ty A theo “Hợp đồng tín dụng” số PLG/000044/22 ngày 22/9/2022.

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M theo Giấy chứng nhận số AK 069807, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00465 do Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2007, cập nhật biến động ngày 26/01/2022 thuộc sở hữu của Ông T; Quyền sở hữu đối với tất cả tài sản gắn liền với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M (tại địa chỉ: 24/4A đường số 25, khu phố 2, phường L, thành phố

Đ, Thành phố M) thuộc quyền sở hữu của Ông T và Bà M, theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22-BLANK ký ngày 25/08/2022.

Ngân hàng P yêu cầu được quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ trong trường hợp Công ty A và Công ty H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ. Tuy nhiên, ông T và bà M không đồng ý phát mãi toàn bộ nhà đất tại địa chỉ: 24/4A đường số 25, khu phố 2, phường L, thành phố Đ, Thành phố M thuộc Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.2.1] Về hình thức của hợp đồng: “Hợp đồng thế chấp” số PLG/000041/22 ngày 25/8/2022 và “Hợp đồng thế chấp” số PLG/000044/22 ngày 22/9/2022 ký kết giữa Ông T và Ngân hàng P được Văn phòng Công chứng Đ Thành phố M chứng nhận và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Đ chứng nhận việc thế chấp vào các ngày 26/8/2022 và 23/9/2022 là phù hợp quy định tại Điều 317, 318 320, 321 và 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Văn phòng Đ xác định ông T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã đọc và hiểu rõ, ký tên, điền chỉ, tự nguyện ký kết Hợp đồng thế chấp trước sự chứng kiến của Công chứng viên.

Như vậy, hình thức của PLG/000041/22 ngày 25/8/2022 và “Hợp đồng thế chấp” số PLG/000044/22 ngày 22/9/2022 là phù hợp với quy định pháp luật, được công nhận có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

[3.2.2.2] Về nội dung của hợp đồng: Ông T đồng ý thế chấp cho Ngân hàng P bất động sản là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty H theo “Hợp đồng tín dụng” số PLG/000041/22 ngày 25/8/2022 và Công ty A theo “Hợp đồng tín dụng” số PLG/000044/22 ngày 22/9/2022.

[3.3] Về yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp:

Đối với các “Hợp đồng thế chấp” số PLG/000041/22 ngày 25/8/2022 và số PLG/000044/22 ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng P và bên thế chấp là Ông T được Văn phòng Công chứng chứng nhận và đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật. Xét về hiệu lực của các hợp đồng thế chấp như đã phân tích tại mục [3.2.2] thì bên thế chấp phải có nghĩa vụ thực hiện việc bảo đảm theo phạm vi thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó, trong trường hợp Công ty H và Công ty A không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015.

Đối với các “Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất” số PLG/000041/22 ngày 25/8/2022 và số PLG/000044/22 ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng P và bên thế chấp là Ông T và Bà M. Các bên chưa thực hiện đăng ký tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Tài sản gắn liền trên đất là căn nhà được ông T và bà M xây dựng từ năm 2008 theo Giấy phép xây dựng số 437/GPXD do Ủy ban nhân dân Quận 2 Thành

phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2007. Hiện trạng nhà không thay đổi theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua ngày 13/9/2022.

Theo khoản 3 Điều 318 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp thì tài sản gắn liền với đất cũng thuộc tài sản thế chấp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*”

Đối chiếu với Điều luật trên thì mặc dù các bên chưa thể thực hiện việc đăng ký thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật đối với tài sản gắn liền với đất nhưng trong trường hợp này tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp là ông T nên căn nhà được xây dựng trên đất này cũng thuộc tài sản thế chấp. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên phát mãi tài sản thế chấp này để thu hồi các khoản nợ của bị đơn là có căn cứ nên kháng cáo của ông T và bà M là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do bị đơn chịu.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T và bà M thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào các Điều 317, 318, 320, 321, 322, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự 2015.
- Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật các tổ chức tín dụng.
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông T và Bà M. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 4694/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng P số tiền nợ gốc là 10.999.170.400 đồng (mười tỷ chín trăm chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 26/9/2024 là 2.748.625.388 đồng (hai tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm hai

mười lăm nghìn ba trăm tám mươi tám đồng), tổng cộng 13.747.795.788 đồng (mười ba tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P số tiền nợ gốc là 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 26/9/2024 là 1.145.269.504 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm lẻ bốn đồng), tổng cộng 5.645.269.504 đồng (năm tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm lẻ bốn đồng).

Kể từ ngày 27/9/2024, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H chưa trả tiền, thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả với mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số PLG/000044/22 ngày 22/09/2022, khế ước số 600-7-52-00-22215 ngày 23/9/2022 và khế ước số 600-8-52-00-22326 ngày 29/12/2022; Hợp đồng tín dụng số PLG/000041/22 ngày 25/8/2022, khế ước nhận nợ 600-8-52-00-22177 ngày 26/8/2022 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án bán đấu giá tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M theo Giấy chứng nhận số AK 069807, số vào sổ cấp GCN số: H 00465 do Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2007 theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22 công chứng số 007358 ngày 25/8/2022 và Hợp đồng thế chấp số PLG/000044/22 ngày 22/9/2022 công chứng số 008075 ngày 22/9/2022. Quyền sở hữu đối với tất cả tài sản gắn liền tại địa chỉ đường số 25, khu phố 2, phường L, thành phố Đ thuộc Thửa đất số 1810, tờ bản đồ số 01, phường L, thành phố Đ, Thành phố M, theo Hợp đồng thế chấp số PLG/000041/22-BLANK ký ngày 25/8/2022 và Hợp đồng thế chấp số PLG/000044/22-BLANK ký ngày 22/9/2022 để thu hồi nợ.

5. Ngay khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P thì Ngân hàng P có nghĩa vụ giải chấp tài sản đã thế chấp nêu trên.

6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

7. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 121.747.796 đồng (một trăm hai mươi một triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông và Thương mại H phải chịu 113.645.270 đồng (một trăm mười ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.772.842 đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) và 56.372.090 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn không trăm chín mươi đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 4863 và 4864 cùng ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông T và Bà M thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

9. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND TP Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án. (14)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh

